

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/3/2022

“Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Huế Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26/10/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1954. (Có mặt)

Trú tại: Khu vực X, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn H, sinh năm: 1957. (Vắng mặt)

Trú tại: Khu vực X, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày:

Bà T và ông H quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn, ông bà đã chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc; sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau, giữa hai vợ chồng không có T nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn lại được, ông H đã bỏ địa phương đi từ năm 2001 cho đến nay, bà T đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm

người vắng mặt nơi cư trú, năm 2021 bà T yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông H và được Tòa án nhân dân thành phố N tuyên bố ông Võ Văn H mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2021/QĐST-VDS ngày 28/4/2021. Hiện nay bà T không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn ông Võ Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Bích N (giới tính: Nữ); sinh ngày 13/11/1985 và Võ Văn Q (giới tính: Nam); sinh ngày 03/4/1989. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã niêm yết tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn Võ Văn H vắng mặt không có lý do; không cung cấp lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã bị tuyên bố mất tích không xác định được chỗ ở nên không cung cấp lời khai; không tham gia hòa giải; không tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp và công khai chứng cứ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc Thi hành Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Võ Văn H; con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Võ Văn H đã bị tuyên bố mất tích và Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà đã chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay có chính quyền địa phương xác nhận và có 02 con chung tên Võ Thị Bích N, sinh ngày 13/11/1985 và Võ Văn Q, sinh ngày 03/4/1989. Căn cứ vào tiêu mục a mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày

09/6/2000 quy định “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân gia đình 1986 có hiệu lực pháp luật mà chưa có đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn”. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc; sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, giữa hai vợ chồng không có T nói chung, không tôn trọng lẫn nhau; ông H đã bỏ địa phương đi liên tục từ năm 2001 cho đến nay. Bà T đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú, đến năm 2021 bà T yêu cầu tuyên bố mất tích đối với ông H và được Tòa án nhân dân thành phố N tuyên bố ông Võ Văn H mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2021/QĐST-VDS ngày 28/4/2021. Nhận thấy bà T và ông H đã không sống chung trong một thời gian dài, ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông Võ Văn H.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Bích N (giới tính: Nữ); sinh ngày 13/11/1985 và Võ Văn Q (giới tính: Nam); sinh ngày 03/4/1989. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn ông Võ Văn H.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T phải nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Bà Huỳnh Thị T có đơn xin miễn án phí với lý do tuổi cao, không có thu nhập. Căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên miễn toàn bộ án phí cho bà Huỳnh Thị T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. N;
- CCTHA TP. N;
- UBND phường L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Kim Cương